

Số: 08/2022/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi  
trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý  
của tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư  
vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình  
thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự  
các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi để tổ chức  
các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi  
quản lý của tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-VHXXH ngày 12 tháng 7  
năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định, với nội dung như sau:

## 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định (kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10; kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa) và các hội thi, cuộc thi (hội thi giáo viên dạy giỏi; chủ nhiệm lớp giỏi; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; cuộc thi khoa học kỹ thuật; hội thi thể dục thể thao; hội thao Giáo dục Quốc phòng - An ninh; hội khỏe Phù Đổng).

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi.

## 3. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi

a) Nội dung, mức chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ tại kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa được thực hiện theo quy định tại phần A của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Nội dung, mức chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ tại các hội thi giáo viên dạy giỏi; chủ nhiệm lớp giỏi; hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh giỏi; cuộc thi khoa học kỹ thuật; hội thi thể dục thể thao; hội thao Giáo dục Quốc phòng - An ninh; hội khỏe Phù Đổng do ngành giáo dục và đào tạo tổ chức được thực hiện theo quy định tại phần B của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Nội dung, mức chi khác để tổ chức các cuộc thi khoa học kỹ thuật; hội thi thể dục thể thao; hội thao Giáo dục Quốc phòng - An ninh; hội khỏe Phù Đổng do ngành giáo dục và đào tạo tổ chức được thực hiện theo quy định tại phần C của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề được bố trí trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

5. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

**Điều 2:** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3:** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022. /.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐDBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *th*



**Hồ Quốc Dũng**

**Phụ lục**

**PHẦN A: CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI TIỀN CÔNG ĐỐI VỚI CÁC KỲ THI**

(Kèm theo Nghị quyết số: 08/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

(Tính theo mức 4: 750.000 đồng/ngày theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH)

**I. Kỳ thi tốt nghiệp THPT, thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia**

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban ra đề thi</b>			
1.1	Chủ tịch	Người/ngày	375	Không quá 15 ngày
1.2	Phó Chủ tịch	Người/ngày	300	
1.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	270	
1.4	Công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	240	
1.5	Ủy viên, Thư ký vòng ngoài	Người/ngày	240	
1.6	Bảo vệ, Phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	150	
2	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban in sao đề thi</b>			
2.1	Trưởng ban	Người/ngày	375	Không quá 15 ngày
2.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	300	
2.3	Ủy viên, Thư ký, làm việc cách ly	Người/ngày	270	
2.4	Công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	240	
2.5	Phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150	
3	<b>Chi tiền công cho Ban chỉ đạo thi</b>			
3.1	Trưởng ban	Người/ngày	375	Không quá 15 ngày
3.2	Phó Trưởng ban thường trực	Người/ngày	330	
3.3	Phó Trưởng ban	Người/ngày	300	
3.4	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	240	
3.5	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150	
4	<b>Chi tiền công cho Hội đồng thi</b>			
4.1	Chủ tịch	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
4.2	Phó Chủ tịch	Người/ngày	300	
4.3	Ủy viên	Người/ngày	240	
5	<b>Chi tiền công cho Ban Thư ký Hội đồng thi</b>			
5.1	Trưởng ban	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
5.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	300	
5.3	Ủy viên	Người/ngày	240	

*lghn mlh*

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
<b>6</b>	<b>Ban vận chuyển đề thi</b>			
6.1	Trưởng ban	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
6.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	300	
6.3	Ủy viên	Người/ngày	240	
<b>7</b>	<b>Chi tiền công cho Hội đồng/Ban coi thi</b>			
7.1	Trưởng ban/Chủ tịch HĐCT	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
7.2	Phó Trưởng ban/Trưởng Điểm thi/Phó Chủ tịch HĐCT	Người/ngày	300	
7.3	Phó Trưởng Điểm thi	Người/ngày	270	
7.4	Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	240	
7.5	Công an, bảo vệ, y tế, Phục vụ	Người/ngày	150	
<b>8</b>	<b>Chi tiền công cho Ban/Tổ làm phách</b>			
8.1	Trưởng ban	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
8.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	300	
8.3	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	270	
8.4	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	240	
8.5	Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế vòng ngoài	Người/ngày	150	
<b>9</b>	<b>Chi tiền công cho Hội đồng/Ban chấm thi tự luận/Ban chấm thi trắc nghiệm</b>	Người/ngày		
9.1	Trưởng ban	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
9.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	300	
9.3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	240	
9.4	Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ	Người/ngày	150	
<b>10</b>	<b>Chi tiền công cho Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận/Ban phúc khảo trắc nghiệm</b>	Người/ngày		
10.1	Trưởng ban	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
10.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	300	
10.3	Ủy viên, thư ký, giám khảo	Người/ngày	240	
10.4	Nhân viên phục vụ, y tế, công an, bảo vệ	Người/ngày	150	
<b>11</b>	<b>Tiền công ra đề thi</b>			
<b>11.1</b>	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</b>			
11.1.1	Chủ trì	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
11.1.2	Các thành viên	Người/ngày	300	
<b>11.2</b>	<b>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (Thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia)</b>	Đề theo phân môn	1.000	
<b>11.3</b>	<b>Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm</b>			
	Đề thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thi nói gồm 10 chủ đề)	Người/ngày	375	Không quá 15 ngày

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
12	<b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi</b>			
12.1	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</b>			
12.1.1	Chủ trì	Người/ngày	375	Không quá 15 ngày
12.1.2	Các thành viên	Người/ngày	300	
12.2	<b>Tiền công đối với câu hỏi</b>			
12.2.1	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu hỏi	70	
12.2.2	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu hỏi	60	
12.2.3	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu hỏi	50	
12.2.4	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu hỏi	35	
12.2.5	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu hỏi	10	
12.3	<b>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</b>			
12.3.1	Chủ trì	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
12.3.2	Các thành viên	Người/ngày	300	
13	<b>Tiền công chấm bài thi</b>			
13.1	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	300	40 bài /người/ ngày/ vòng
13.2	Tiền công chấm bài thi trắc nghiệm đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	300	Số ngày theo thực tế công việc
13.3	Tiền công chấm phúc khảo bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông, chấm phúc khảo bài thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	300	Số ngày theo thực tế công việc
14	<b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp Quốc gia</b>			
14.1	Tiền công cho biên soạn và giảng dạy lý thuyết, biên soạn và giảng dạy thực hành	Người/ngày	2.000	Chi theo thực tế
14.2	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	150	
15	<b>Tiền công cho công tác thanh tra, kiểm tra thi</b>			
15.1	Trưởng đoàn	Người/ngày	375	Số ngày theo thực tế công việc
15.2	Phó trưởng đoàn	Người/ngày	300	
15.3	Thành viên (độc lập)	Người/ngày	300	
15.4	Thành viên đoàn	Người/ngày	260	
16	<b>Tiền công làm đêm và trực đêm</b>			

*lghe minh*

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
16.1	Tiền công làm đêm cho bộ phận trực tiếp in sao đề thi và bộ phận làm phách bài thi	Người/đêm	180	Số đêm theo thực tế công việc
16.2	Tiền công trực đêm cho cán bộ giữ đề thi và bài thi trong thời gian thi và chấm thi	Người/đêm	120	Số đêm theo thực tế công việc

## II. Các Kỳ thi cấp tỉnh: Thi tuyển sinh vào lớp 10 (thi tuyển), thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa

Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi được tính bằng 90% mức chi tại mục I của phần A.

## III. Đối với các Phòng GDĐT và các trường THPT

Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức kỳ thi được tính bằng 80% mức chi tại mục I của phần A.

Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh được tính bằng 80% mức chi tại mục I của phần A.

## IV. Đối với cấp trường trực thuộc Phòng GDĐT

Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức kỳ thi được tính bằng 60% mức chi tại mục I của phần A.

Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp huyện được tính bằng 60% mức chi tại mục I của phần A.

## PHẦN B: CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI TIỀN CÔNG ĐỐI VỚI CÁC HỘI THI, CUỘC THI

I. Mức chi cho các hội thi giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên làm tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh giỏi

### 1. Các hội thi cấp tỉnh

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội thi giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm lớp giỏi</b>			
<b>1</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban tổ chức Hội thi</b>			
1.1	Trưởng ban	Người/ngày	340	Không quá 12 ngày
1.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	270	
1.3	Ủy viên, Thư ký, Kế toán	Người/ngày	220	
1.4	Thành viên khác (Bảo vệ, phục vụ...)	Người/ngày	140	
<b>2</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chấm thi (giai đoạn 1 và giai đoạn 2)</b>			
2.1.1	Trưởng ban	Người/ngày	340	Không quá 12 ngày
2.1.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	270	
2.1.3	Ủy viên, Thư ký, Kế toán	Người/ngày	220	
2.1.4	Thành viên khác (Bảo vệ, phục vụ ...)	Người/ngày	140	
2.1.5	Tổ trưởng	Người/đợt	300	
2.1.6	Giám khảo chấm biện pháp hoặc tiết dạy hoặc tổ chức hoạt động giáo dục (gọi chung là biện pháp)	Biện pháp	120	Khoảng 08 biện pháp/ngày, tối đa 03 giám khảo/01 biện pháp

*Ngô Văn Tuấn*

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
<b>II</b>	<b>Hội thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi</b>			
<b>1</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chỉ đạo</b>			
1.1	Trưởng ban	Người/ngày	340	Không quá 12 ngày
1.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	270	
1.3	Ủy viên, Thư ký, Kế toán	Người/ngày	220	
1.4	Thành viên khác (Bảo vệ, phục vụ ...)	Người/ngày	140	
<b>2</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban ra đề thi</b>			
2.1	Trưởng ban	Người/ngày	340	Không quá 12 ngày
2.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	270	
2.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	220	
<b>3</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban in sao đề thi</b>			
3.1	Trưởng ban	Người/ngày	340	Không quá 12 ngày
3.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	270	
3.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	220	
<b>4</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban coi thi</b>			
4.1	Trưởng ban	Người/ngày	340	Không quá 12 ngày
4.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	270	
4.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	220	
4.4	Thành viên khác (Bảo vệ, phục vụ ...)	Người/ngày	140	
<b>5</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chấm thi (giai đoạn 1 và giai đoạn 2)</b>			
5.1	Trưởng ban	Người/ngày	340	Không quá 12 ngày
5.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	270	
5.3	Các Ủy viên, Thư ký, Kế toán	Người/ngày	220	
5.4	Thành viên khác (Bảo vệ, phục vụ ...)	Người/ngày	140	
5.5	Giám khảo chấm sáng kiến hoặc biện pháp (gọi chung là biện pháp)	Biện pháp	120	Khoảng 08 biện pháp/ ngày, tối đa 03 giám khảo/01 biện pháp
5.6	Giám khảo chấm bài thi kiến thức và kỹ năng (tự luận)	Người/ngày	270	Định mức 40 bài/ người/ ngày
5.7	Giám khảo chấm bài thực hành nghiệp vụ và thi năng khiếu	Người/ngày	240	Không quá 12 ngày
<b>6</b>	<b>Chi ra đề thi (Bài thi kiến thức và kỹ năng)</b>			
6.1	Chi ra đề đề xuất	Đề	360	
6.2	Chi ra đề chính thức và dự bị	Đề	600	

**2. Các hội thi cấp huyện và các trường THPT:** Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các hội thi, cuộc thi được tính bằng 80% mức chi tại hội thi, cuộc thi cấp tỉnh.

**3. Các hội thi cấp trường trực thuộc Phòng GDĐT:** Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các hội thi, cuộc thi được tính bằng 60% mức chi tại hội thi, cuộc thi cấp tỉnh.

## II. Cuộc thi Khoa học - Kỹ thuật

### 1. Cuộc thi Khoa học - Kỹ thuật cấp tỉnh

*Lgh mhc*

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chỉ đạo</b>			
1.1	Trưởng ban	Người/ngày	340	Không quá 12 ngày
1.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	270	
1.3	Ủy viên, Thư ký, Kế toán	Người/ngày	220	
1.4	Thành viên khác (Bảo vệ, phục vụ...)	Người/ngày	140	
<b>2</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Ban chấm thi</b>			
2.1	Trưởng ban	Người/ngày	340	
2.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	270	
2.3	Ủy viên, Thư ký, Kế toán	Người/ngày	220	
2.4	Giám khảo chấm	Người/ngày	270	
2.5	Thành viên khác (Bảo vệ, phục vụ ...)	Người/ngày	140	

**2. Các hội thi cấp huyện và các trường THPT:** Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các hội thi, cuộc thi được tính bằng 80% mức chi tại hội thi, cuộc thi cấp tỉnh.

**3. Các hội thi cấp trường trực thuộc Phòng GDĐT:** Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các hội thi, cuộc thi được tính bằng 60% mức chi tại hội thi, cuộc thi cấp tỉnh.

### III. Các hội thi thể dục thể thao, Hội thao Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Hội khỏe Phù Đổng do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức

#### 1. Cấp khu vực và quốc gia

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Mức chi tiền công cho huấn luyện viên trong thời gian tập huấn và thi đấu cấp khu vực và toàn quốc	Người/ngày	180	Theo thực tế
2	Mức chi tiền công tập luyện cho công chức, viên chức tham gia tập huấn và thi đấu các giải của giáo viên cấp khu vực và toàn quốc (Đối với công chức, viên chức không đủ điều kiện khoảng cách km để thanh toán chế độ công tác phí theo quy định hiện hành)	Người/ngày	120	Theo thực tế

#### 2. Các hội thi cấp tỉnh

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Mức chi tiền công cho các thành viên các ban của giải thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao GDQP-AN cấp tỉnh</b>			
1.1	Trưởng ban chỉ đạo/ban tổ chức/ban chuyên môn	Người/ngày	340	Không quá 15 ngày
1.2	Phó trưởng ban chỉ đạo/ban tổ chức/ban chuyên môn	Người/ngày	270	
1.3	Ủy viên, giám sát	Người/ngày	220	

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1.4	Trọng tài bóng đá, bóng chuyền các giải học sinh và giáo viên	Người/trận	120	
1.5	Trọng tài bóng bàn, điền kinh, cầu lông, võ, cờ...	Người/buổi	120	
1.6	Công an, Y tế, Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ...	Người/ngày	140	

## 2. Các hội thi cấp huyện và các trường THPT

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các hội thi, cuộc thi được tính bằng 80% mức chi tại cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.
- Mức chi tiền công tập luyện cho các thành viên tham gia các hội thi thể dục thể thao, Hội thao Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Hội khỏe Phù Đổng được tính bằng 80% mức chi tại mục III của phần B

## 3. Các hội thi cấp trường trực thuộc Phòng GDĐT

- Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các hội thi, cuộc thi được tính bằng 60% mức chi tại cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.
- Mức chi tiền công tập luyện cho các thành viên tham gia các hội thi thể dục thể thao, Hội thao Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Hội khỏe Phù Đổng được tính bằng 60% mức chi tại mục III của phần B

## PHẦN C: CÁC NỘI DUNG, MỨC CHI KHÁC ĐỐI VỚI CÁC CUỘC THI, HỘI THI

### 1. Cuộc thi Khoa học - Kỹ thuật cấp quốc gia

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Hỗ trợ tiền ăn cho học sinh	Người/ngày	160	Số ngày theo thực tế
2	Hỗ trợ tiền ở cho học sinh	Người/ngày	200	Số ngày theo thực tế

### 2. Các hội thi thể dục thể thao, Hội thao Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Hội khỏe Phù Đổng do ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức cấp quốc gia

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Mức chi tiền ăn và thuốc bổ tăng lực cho học sinh tập huấn và thi đấu cấp khu vực và toàn quốc			
1.1	Học sinh TH, THCS và THPT trong thời gian tập trung tập huấn	Người/ngày	160	Không quá 30 ngày
1.2	Học sinh TH, THCS và THPT trong thời gian tập trung thi đấu	Người/ngày	190	Theo thực tế thi đấu
1.3	Chế độ tiền thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với học sinh và huấn luyện viên trong thời gian tập huấn	Người/ngày	16	Không quá 30 ngày
1.4	Chế độ tiền thuốc bổ tăng lực và thực phẩm chức năng đối với học sinh và huấn luyện viên trong thời gian thi đấu	Người/ngày	19	Theo thực tế thi đấu
2	Mức chi tiền thuê phòng trọ của học sinh và huấn luyện viên ngoài ngành			
2.1	Học sinh TH, THCS và THPT trong thời gian tập trung tập huấn tại thành phố Quy Nhơn	Người/ngày	160	Không quá 30 ngày
2.2	Học sinh TH, THCS và THPT trong thời gian tập trung tập huấn tại các huyện thị xã	Người/ngày	120	

*lgh mlch*

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
2.3	Học sinh TH, THCS và THPT trong thời gian tập trung thi đấu ngoài tỉnh	Người/ngày	200	Theo thực tế
2.4	Huấn luyện viên ngoài ngành trong thời gian tập trung thi đấu trong tỉnh	Người/ngày	200	
2.5	Huấn luyện viên ngoài ngành trong thời gian tập trung thi đấu ngoài tỉnh ở thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh	Người/ngày	450	
2.6	Huấn luyện viên ngoài ngành trong thời gian tập trung thi đấu ngoài tỉnh ở huyện, thị xã, thành phố còn lại	Người/ngày	350	

**2. Các hội thi, cuộc thi cấp tỉnh:**

- Các hội thi, cuộc thi cấp tỉnh được tính bằng 90% mức chi tại khoản 1; 2 Phần C của Phụ lục này.

**3. Các hội thi cấp huyện và các trường THPT**

- Các hội thi, cuộc thi cấp huyện và các trường THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được tính bằng 80% mức chi tại khoản 1; khoản 2 Phần C của phụ lục này.

**4. Các hội thi cấp trường trực thuộc Phòng GDĐT**

- Các hội thi, cuộc thi cấp trường trực thuộc Phòng GDĐT được tính bằng 60% mức chi tại khoản 1; khoản 2 Phần C của Phụ lục này./.

*lgth mhh*